

Bản án số: 121/2022/DS-PT

Ngày: 24-6-2022

V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản là
di sản thừa kế và chia thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê NgU Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp quyền sở hữu tài sản là di sản thừa kế và chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo, kháng Ng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn B; cư trú tại: 11 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Nguyễn Tấn V; cư trú tại: Thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

3. Ông Nguyễn Văn Lê (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê:

3.1 Bà Bùi Thị Ph.

3.2 Anh Nguyễn Quang Th.

3.3 Anh Nguyễn Quang Thi.

Cùng cư trú tại: 09/91 Thiên Lô, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng.

Đại diện theo ủy quyền của của ông B, bà Ph, anh Th, anh Thi: Bà Đinh Thị L; cư trú tại: Thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/11/2021 và ngày 06/11/2022); có mặt.

Người Ba vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Luật sư Q hoạt động tại Văn phòng luật sư Q và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: 08 Trần Thị Lý, P. Hòa Thuận, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S; cư trú tại: Thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người Ba vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S: Luật sư Hồ Khả hoạt động tại Văn phòng luật sư Bình Định, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; địa chỉ: 110 Hùng Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh V – Phó chánh văn phòng HDNN – UBND (Giấy ủy quyền số: 25/GUQ-UBND ngày 13/01/2021 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Liên; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Ba; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Hạnh Ng.

Cùng cư trú tại: Thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

5. Bà Nguyễn Thị Hoài L; cư trú tại: Thôn N, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

6. Ông Nguyễn Hoài Chương (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Chương:

6.1 Bà Bạch Thị Ánh Đ.

6.2 Cháu Nguyễn Bạch Hải Y; sinh năm: 2013.

Cùng cư trú tại: Tổ 50, khu vực 6, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của của bà Ng: Bà Nguyễn Thị S; cư trú tại: Thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (Giấy ủy quyền ngày 17/6/2022); có mặt.

Đại diện theo pháp luật của cháu Yến: Bà Bạch Thị Ánh Đ mẹ đẻ của cháu Yến.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Luật sư Hồ Khá; cư trú tại: 110 Hùng Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/01/2021).

7. Bà Nguyễn Thụy Phương U; cư trú tại: 808/3 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Hồng V; cư trú tại: 30/7/2 Tháp Đôi, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Kim Ho; cư trú tại: Thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tấn V là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị S là bị đơn, bà Nguyễn Thị Hạnh Ng, bà Bạch Thị Ánh Đ, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thụy Phương U và Nguyễn Thị Hoài L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

NgU đơn ông Nguyễn Tấn V và đại diện theo ủy quyền của các ngU đơn khác là bà Đình Thị L thống nhất trình bày:

Năm 1980 cha của các ngU đơn ông Nguyễn B, Nguyễn Tấn V, Nguyễn Văn Lên là cụ Nguyễn Diệu chung sống với cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh. Cụ Di và cụ Nh không có con chung nhưng đã tạo lập khối tài sản chung bao gồm: 01 nhà cấp 4 tường xây, mái lợp ngói, nền xi măng được xây dựng tại thửa đất số 297 tờ bản đồ số 20 và đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng cho cha mẹ của ông B, trong đó có 400m² đất ở, 710m² đất vườn và 860m² đất trồng lúa tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số: 01070/C12.QSĐĐ, ngày 20/12/1997 tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A, đất rẫy tại thửa 415, tờ bản đồ số 06 diện tích 6917,9m². Năm 2004 cụ Diệu chết, năm 2014 cụ Nh chết, để lại số tài sản như: Nhà ở, đất ở, đất vườn, đất rẫy, đất ruộng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, bản di chúc, bản tường thực (thuật) gia đình của cụ Nguyễn Diệu, giấy tờ tùy thân của cụ Nh, sổ tiết kiệm do cụ Nh gửi tại Ngân hàng Agribank chi nhánh H, vàng, tiền mặt. Khi bà Nh chết, do các con ở xa về muộn nên các tài sản do đoàn thể chính quyền địa phương đã kiểm đếm và giao lại cho bà Nguyễn Thị S là cháu gọi bà Nh bằng cô ruột cất giữ, được thể hiện tại biên bản thẩm định, định giá ngày 14/5/2015 gồm: 04 thẻ vàng

có số và trọng lượng là 12 chỉ 03 phân 4 ly; vàng nhẫn có 04 chiếc (01 chỉ 9999 hiệu Kim Khánh, 01 chỉ vàng 9,5 hiệu Kim Khánh số lượng 02 chiếc, 05 phân 9999 hiệu Vĩnh Toàn số lượng 01 chiếc), 01 chiếc nhẫn vàng Tây 14k có hột màu xanh ngọc trọng lượng 02 chỉ 01 phân 02 ly; tổng cộng: 12 chỉ 03 phân 4 ly vàng thê; 3,5 chỉ vàng nhẫn; 02 chỉ 01 phân 02 ly vàng Tây và 77.500.000 đồng tiền mặt. Hội đồng thẩm định, định giá đã tạm giao cho bà Nguyễn Thị S cất giữ; nhà ở, đất ở cùng tài sản trong nhà, tài sản gắn liền trên thửa đất tạm giao cho ông Nguyễn Tấn V quản lý.

Nay các ngU đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Ba, bà Nguyễn Thị S trả lại diện tích đất rẫy, số tài sản tiền, vàng, các loại giấy tờ do bà S ông Ba đang quản lý sử dụng và cất giữ của cha mẹ ngU đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Năm 1980 sau chuyến cù Diêu về thăm quê tại thôn Bình Sơn, xã A thì quen biết cù Nguyễn Thị Tuyết Nh là cô ruột của bà. Do cù Diêu thấy cô của bà có của, lớn tuổi không có chồng, bản thân cù Diêu chết vợ, con cái thì đã yên bề gia thất và cù cũng đã đến tuổi về hưu nên cù đến với cô của bà để đậu gạo nấu cơm chung. Nhà cửa của cù ở ĐăkLăk giao lại cho con trai ông là Nguyễn Tấn V sử dụng, cù về chung sống với cô của bà chỉ bằng 01 suất lương hưu của một cán bộ Nhà nước không có tài sản. Đến năm 1985, cù Nh làm nhà trên mảnh vườn có nguồn gốc của ông bà do cha của bà là ông Nguyễn Hoài Thi chia $\frac{1}{2}$ thửa đất cho cù Nh để làm nhà ở, lúc đó bà Nh có mua nhà cũ của ông Nguyễn Thanh Ngọc ở Hoài Nhơn đi kinh tế mới tại thôn Phú Ninh, xã A để tháo dỡ đem về xây dựng, mọi chi phí làm nhà, mua sắm trong gia đình do cù Nh bỏ tiền ra chứ cù Diêu không có đóng góp gì (như bản di chúc, bản tường trình của cù Diêu để lại trước khi chết). Trong thời gian cù Diêu sống chung với cù Nh thì có 03 người con riêng của ông Diêu thỉnh thoảng có đi về vào dịp tết hoặc cúng giỗ. Năm 1997, cù Nh được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2000 vì tuổi cao cù Di hay đau ốm nên cù Diêu tự viết bản tường trình gia đình và di chúc để lại cho các con của cù, cù đã xác định rõ là cù không có tài sản và tất cả tài sản là của cù Nh, chính quyền địa phương đã xác nhận và giao cho cô bà giữ. Sau khi cù Diêu chết thì giữa cha bà là ông Nguyễn Hoài Thi và cù Nh cũng có mâu thuẫn với nhau, nhưng dù sao vẫn là chị em ruột. Về 03 người con riêng của cù Di thì sau khi cù Di chết ít đi về hơn trước, tình cảm giảm dần, từ đó cù Nh có nghi ngờ nên đã giữ lại bản di chúc của cù Diêu chứ không giao cho anh em họ. Vào ngày 23/10/2013 (ngày 19/9/2013 âm lịch) là ngày giỗ của chị ruột bà Nh (mẹ của bà Nguyễn Thị Thu Hà ở Thành phố Hồ Chí Minh) bà Nh muốn vào ăn giỗ và đi Tây Ninh chơi với các cháu, bà Nh có gọi cho bà Nguyệt dẫn đi nhưng bà Nguyệt chưa kịp về thì có ông Lên từ Hải Phòng về thăm chơi ở lại mấy ngày nên cô bà nhờ ông Lên dẫn đi, vào Thành phố Hồ Chí Minh bà Nh ở chơi một tháng, đi Tây Ninh chơi hai tháng rồi mới về quê vào tháng 01/2014. Do cù Nh gần đây hay đau ốm, ngày 04/10/2014 cù Nh có đến thăm ba của bà là ông Thi và nói muốn đi

bệnh viện điều trị, bà Nh có đưa cho ông Thi một số giấy tờ gồm bản di chúc, 01 sổ đỏ, 01 giấy ủy quyền của cụ Nh Ba ông Thi ký tên và đem ra xã xác nhận, ngày 05/10/2014 cụ Nh có gọi bà về nhưng bà chưa về được, bà gặp qua điện thoại với ông Tá ở Phú Hữu đang khám bệnh cho cụ Nh thống nhất ngày 08/10/2014 (ngày 15 âm lịch) sẽ đi bệnh viện. Nhưng đến ngày 06/10/2014 vì bà không có xe nên nhờ bà Nguyễn Thị Nha chở bà về thăm cụ Nh, khi vào đến nhà bà thấy điện còn sáng bà gọi nhưng cô không trả lời, bà và bà Nha mở cửa vào nhà thì thấy bà Nh vừa tắt thở, người còn hơi ấm. Trước cái chết bất ngờ của cụ Nh, để trách sự hiểu nhầm về nhau về sau này nên bà có mời ông Lê hồng Sơn trưởng thôn Kim Sơn, ông Lê Dạ và một số người khác đến chứng kiến việc kiểm tra tài sản của cô bà trước khi tắm liệm, trong đó có vàng, tiền mặt. Theo sự thống nhất chung của gia đình là bà cất để lo việc tang lễ, xây mộ, cúng thất, tuần, 50 ngày, 100 ngày và cúng giỗ sau này. Đến ngày 49 cúng tuần của bà Nh thì 03 người con riêng của ông Diêu là ông B, ông Lân, ông V buộc bà đem tất cả tiền vàng và những gì có liên quan đến cụ Nh phải giao nộp cho họ trước khi Tòa án gọi bà đến để giải quyết, lúc này thì bà mới biết 03 người con riêng của ông Di đã đi kiện bà. Bà không thực hiện yêu cầu của 03 người con riêng của ông Diêu bởi lẽ: Việc quản lý tài sản của cụ Nh đã có sự thống nhất trong gia đình bà, 03 người con của ông Diêu tuy cụ Nh có thương yêu, nhưng họ không có trách nhiệm với cụ Nh những ngày tháng cuối đời, ông B về thăm cụ Nh lần sau cùng vào tháng 5/2013, ông Lê thăm cụ Nh vào tháng 10/2013 rồi dẫn giúp vào Sài Gòn; ông V lần cuối cùng về thăm cụ Nh vào tháng 12/2012, lúc đó cụ Nh có nói là có gọi điện cho chúng nó, nhưng chúng nó nói hết trách nhiệm rồi hoặc có thì không nghe máy, đến khi cụ Nh chết bà gọi báo tin thì họ mới về. Bà xác định việc bà thay mặt ba của bà đại diện anh chị em trong gia đình quản lý tài sản của cụ Nh là nguyện vọng cuối cùng của cụ Nh trước khi chết để lại (có kèm theo giấy ủy quyền), vì bà là đứa cháu ở gần và chăm sóc cụ Nh nhiều nhất. Do vậy bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì tài sản của cô bà không liên quan gì đến cụ Di. Bà phản tố yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ khối tài sản của cụ Nh chết để lại gồm: 12 chỉ 03 phân 4 ly vàng thê; 3,5 chỉ vàng nhẫn; 02 chỉ 01 phân 02 ly vàng Tây và 77.500.000 đồng tiền mặt (hiện số vàng và tiền bà đang cất giữ). Các tài sản khác: Nhà ở, đất ở, đất vườn, tài sản gắn liền trên đất, các tài sản trong nhà, đất 02 lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đứng tên cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh (hiện khối tài sản này ông V, bà L đang quản lý); bà thống nhất giá trị tài sản trên theo Biên bản định giá do Hội đồng thẩm định, định giá tài sản tranh chấp đã xác định giá trị, bà không yêu cầu định giá lại, tại phiên tòa sơ thẩm bà không có ý kiến hay yêu cầu gì về giá trị các loại cây trên đất, kể cả cái giếng khoan.

Đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định ông Mai Văn Lân trình bày:

Về đất rừng tại thửa số 415, tờ bản đồ số 02, xã A: diện tích đất rừng này có nguồn gốc của dự án 327 do hộ gia đình cụ Nguyễn Di và cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh trồng rừng; sau khi dự án kết thúc thì gia đình cụ Nh, cụ Di canh tác cho đến năm 2009, khi Nhà nước có chủ trương đo đạc lại thì bà Nguyễn Thị S là người trồng cây keo trên diện tích đất này dẫn đi đo đạc. Hiện tại bà Nguyễn Thị S là người kê khai và có tên trong sổ mục kê tại xã A và đang sử dụng trồng cây keo lai trên thửa đất 415 tờ bản đồ số 2 diện tích $6917m^2$ tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A; Nhà nước chưa giao quyền cho cá nhân, tổ chức nào, hiện nay thửa đất này UBND xã A, huyện H đang quản lý. Ý kiến của UBND xã về thửa đất rừng này: Tài sản trên đất của bà S thì bà S có quyền sở hữu, còn đất thì UBND xã tiếp tục quản lý và xử lý theo kế hoạch sử dụng đất của địa phương theo quy định của pháp luật.

Diện tích thửa đất 297, tờ bản đồ số 20 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $1.110m^2$, trừ diện tích 02 lần hộ cụ Nh sang nhượng còn lại thực tế đo đạc là $888,4m^2$, như vậy có sự chênh lệch về diện tích là $283,8m^2$; diện tích đôi này là do sai số trong quá trình đo đạc, các hộ sử dụng đất liền kề không có tranh chấp. Ý kiến của UBND xã là không thu hồi để sử dụng vào mục đích công cộng, người nào được quyền sử dụng thì được tiếp tục sử dụng đúng mục đích.

Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 20 có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $860m^2$, qua đo đạc thực tế $1.055,8m^2$, diện tích đôi lên là $195,8m^2$. Ý kiến của UBND xã không thu hồi, người được quyền sử dụng được tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định ông Huỳnh V trình bày:

Thửa đất số 415, tờ bản đồ số 02, diện tích $6917m^2$, tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A có nguồn gốc trước năm 1997 là đất trồng rừng thuộc dự án 327 giao cho gia đình cụ Di, cụ Nh trồng cây rừng sản xuất, đến năm 2009 gia đình bà S, ông Ba sử dụng trồng cây keo, được đo đạc thống kê, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đất Lâm nghiệp, thửa đất này hiện UBND xã A đang quản lý, chưa đề Ng UBND huyện giao quyền sử dụng cho tổ chức hay cá nhân nào. Nếu tổ chức các nhân nào có đủ điều kiện và có nhu cầu thì làm thủ tục đề Ng cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai hiện hành.

Diện tích thửa đất 297 tờ bản đồ số 20 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $1.110m^2$, trừ diện tích 02 lần sang nhượng còn lại thực tế đo đạc là $888,4$, chênh lệch về diện tích là $283,8m^2$, diện tích đôi này là do quá trình đo đạc nên quan điểm của UBND huyện không có ý kiến thu hồi để sử dụng vào mục đích công cộng, người được quyền sử dụng tiếp tục sử dụng.

Diện tích thửa đất số 62, tờ bản đồ số 20, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $860m^2$, qua đo đạc thực tế $1.055,8m^2$, diện tích đôi lên là

195,8m². UBND huyện không có ý kiến thu hồi mà người được quyền sử dụng tiếp tục sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ba trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị S, ông không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hạnh Ng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S đại diện tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hoài A, bà Nguyễn Thụy Phương U, bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Thống nhất yêu cầu chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh chết để lại theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bạch Thị Ánh Đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Bạch Hải Yến ủy quyền cho ông Hồ Khả trình bày: Thống nhất yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Nh chết để lại theo quy định pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoa trình bày:

Vợ chồng bà có sang nhượng của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh một đám ruộng có tục danh là Đồng chợ với giá 1.800.000 đồng, thời gian chuyển nhượng theo mốc Nhà nước giao quyền đến năm 2017 là hết. Nhưng do bà Nh chết năm 2014, sau đó con của cụ Diệu về ở nhà của cụ Nh ở thì bà có đến nhà trao đổi để kéo dài thời gian thêm cho bà sử dụng đến cuối năm 2019 bà sẽ trả lại, nhưng thực tế bà cũng không biết trả lại cho ai. Hiện tại vợ chồng bà Đinh Thị L và ông Nguyễn Tấn V đã lấy diện tích đất ruộng này sử dụng. Tại phiên phiên tòa sơ thẩm, bà không có yêu cầu hay ý kiến gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu đòi lại tài sản của các nguyên đơn ông Nguyễn B, ông Nguyễn Tấn V, ông Nguyễn Văn Lê.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị S về việc mở và chia di sản theo pháp luật.

Xác nhận quan hệ quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn D và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh là hợp pháp.

Xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số: 0107 D/C12, ngày 20/12/1997 của UBND huyện H cấp, đứng tên cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh gồm thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20 diện tích 400m² đất ở, 710m² đất vườn, thửa đất số 62, diện tích 860m² đất 2 lúa; tài sản gắn liền trên đất (nhà, nhà vệ sinh, bồn Inox) là tài sản chung hợp nhất của ông Nguyễn Di và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh.

Giao cho ông Nguyễn Tấn V được quyền sở hữu, quyền sử dụng diện tích 888,4m² (trong đó có 340m² đất ở, 548m² đất vườn), tài sản gắn liền trên đất là nhà ở, nhà vệ sinh, bồn inox thuộc thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20 có giá trị

301.338.338 đồng, có tứ cận: Đông giáp đất ông Trương Minh Đ, Tây giáp đất UBND xã, Nam giáp đường đi liên xã, Bắc giáp đất ông Dương Văn Dũy và diện tích 1.055,8m² (đất 2 lúa) tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 20 có giá trị 71.794.400 đồng, bằng tổng giá trị là 373.132.780 đồng, tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A, huyện H.

Ông Nguyễn Tấn V phải thôi lại giá trị tài sản cho hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Tuyết Nh 205.097.427 đồng và thôi lại giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế ông Nguyễn B 56.010.717, ông Nguyễn Văn Lê (ông Lê chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê là bà Bùi Thị Ph, anh Nguyễn Quang Th, anh Nguyễn Quang Thi) 56.010.717 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hạnh Ng, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Hoài L, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thụy Phương U, ông Nguyễn Hoài Ch (ông Ch chết người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ch bà Nguyễn Thị Ánh Đ và cháu Nguyễn Bạch Hải Y) mỗi người được nhận giá trị di sản của bà Nguyễn Thị Tuyết Nh chết để lại là 43.816.237 đồng. Bà Nguyễn Thị S phải trả lại cho các đồng thừa kế số tiền 13.977.763 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 29/6/2021, ngU đơn ông Nguyễn Tấn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Cấp sơ thẩm nhận định các nguyên đơn có đi về thăm nom, chăm sóc cụ Di, cụ Nh khi đau ốm và những dịp cúng giỗ, ngày tết nhưng lại không cho các nguyên đơn được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ngày 29/12/2021. Ông V có kháng cáo bổ sung yêu cầu xem xét hiệu lực của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 30/6/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà là các bà Nguyễn Thị Hạnh Ng, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thụy Phương U, Bạch Thị Ánh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của các nguyên đơn, giao tài sản, nhà cửa, đất đai, ruộng vườn của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh cho gia đình bà Nguyễn Thị S sử dụng, sở hữu để làm nơi thờ tự cho cụ Nh và liệt sỹ Nguyễn Văn May, với lý do: Vì cụ Nguyễn Di đã có di chúc viết ngày 06/02/2000, cùng với bản tường thực (tường thuật) gia đình viết ngày 25/9/2001, nói rõ là cụ không có đóng góp gì và cũng không có tài sản gì để lại cho cụ Nh và vì đất và nhà của cụ Nh trước khi cụ Diệu đến ở với cụ Nh, đất này là của ông Nguyễn Hoài Thi (em ruột cụ Nh) chia 1/2 mảnh vườn cho cụ Nh ở để thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Văn May.

Ngày 30/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện H ra Quyết định kháng Ng phúc thẩm số: 183/QĐKNPT-VKS-DS kháng Ng bản án sơ thẩm về các vấn đề: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Di; Chia phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Hoài Ch được hưởng từ ông Nguyễn Hoài Thị; án phí sơ thẩm đối với ông Nguyễn B, ông Nguyễn Tấn V, bà Nguyễn Thị Hạnh Ng và cháu Nguyễn Bạch Hải Y.

Luật sư Q trình bày luận cứ Ba vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của ngU đơn, cho các nguyên đơn được hưởng di sản của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh theo quy định của pháp luật, xem xét lại việc các nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế nhưng cấp sơ thẩm vẫn chia và hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Luật sư Hồ Khả trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề Ng HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn bác đơn khởi kiện của các ngU đơn, giao tài sản, nhà cửa, đất đai, ruộng vườn của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh cho gia đình bà Nguyễn Thị S sử dụng, sở hữu để làm nơi thờ tự cho cụ Nh và Liệt sỹ Nguyễn Văn May.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 183/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H. Chấp nhận một phần kháng cáo ông Nguyễn Tấn V về yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện H. Không chấp nhận kháng cáo của các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Hạnh Ng, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thụy Phương U và Bạch Thị Ánh Đ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H theo hướng hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện H và chia thừa đất số 297, tờ bản đồ số 20 theo hiện vật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn HĐXX thấy rằng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp đòi lại tài sản; yêu cầu mở, chia tài sản thừa kế theo pháp luật là chưa chính xác bởi lẽ: Các nguyên đơn ông Nguyễn B, Nguyễn Tấn V, Nguyễn Văn Lên lúc đầu họ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Diệu, cụ Nh và yêu cầu bị đơn trả lại số tài sản của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh mà bị đơn đang quản lý, nhưng sau đó vào ngày 07/12/1015 họ thay đổi đơn khởi

kiện không yêu cầu chia thừa kế nữa, còn bị đơn bà Nguyễn Thị S phản tố yêu cầu chia tài thừa kế của cụ Nh theo pháp luật, thì trong việc giải quyết chia thừa kế đã bao gồm cả việc xác định thời điểm mở thừa kế nên HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về quyền sở hữu tài sản là di sản thừa kế và chia thừa kế tài sản.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn V, HĐXX thấy rằng: Điều 654 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ *...Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau...* ”. Lời khai, xác nhận của những người là hàng xóm láng giềng của cụ Di, cụ Nh đều thể hiện các con riêng của cụ Di là các ông B, Lên, V vẫn thường đi về thăm nom cụ Di, cụ Nh lúc đau ốm và vào những dịp cúng giỗ, ngày tết. Tuy nhiên, khi cụ Di về chung sống với cụ Nh thì những người con riêng của cụ Di đều đã trưởng thành, lập gia đình và không chung sống với cùng với cụ Nh, cụ Di và sau khi cụ Diệu mất thì họ cũng về thăm cụ Nh hơn, thời gian trước khi cụ Nh mất khoảng 01 năm thì cụ Nh vẫn ở một mình, lúc cụ Nh qua đời cũng chỉ có một mình. Do đó, không có đủ căn cứ để xác định giữa các con riêng của cụ Di và cụ Nh có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như mẹ con nên cấp sơ thẩm đã không chấp nhận việc các con riêng của cụ Di yêu cầu được hưởng thừa kế của cụ Nh và không được quyền đòi lại tài sản thuộc sở hữu riêng của cụ Nh là có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn V. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Cấp sơ thẩm tuyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, bị hủy bỏ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật là trái với quy định của pháp luật. Xét thấy kháng cáo về phần này của ông V là có căn cứ nên HĐXX hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Hạnh Ng, Nguyễn Thị Hoài L, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thụy Phương U, Bạch Thị Ánh Đ, HĐXX thấy rằng: Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*b. Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thu lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.*” Thực tế cụ Nguyễn Di và cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh chung sống với nhau từ năm 1980 nên theo quy định trên thì các cụ được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mặt khác, vợ chồng cụ Di, cụ Nh đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo quy định tại Ng định số: 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0107D/C12 ngày 20/12/1997 và trong bản di chúc hay bản tường thuật gia

đình, cụ Di cũng không đề cập đến quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm xác định những tài sản là quyền sử dụng đất và những tài sản khác mà vợ chồng cụ Di, cụ Nh tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng cụ Di, cụ Nh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm 1.1 tiểu mục 1 Mục II Ng quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên kháng cáo của các bà S, Ng, L, V, U, Đ về phần này là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Do ông Nguyễn Hoài Thi chết sau cụ Nh nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố chia thừa kế phần ông Thi được hưởng từ cụ Nh của bà S, xác định phần tài sản của cụ Di trong khối tài sản chung với cụ Nh và cho các ngu đơn được nhận phần di sản này là có cơ sở. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không cho phía bị đơn nhận di sản của cụ Nh bằng hiện vật là một phần thửa đất 297, tờ bản đồ 20 trong khi đất đủ điều kiện để tách thửa theo quy định của UBND tỉnh Bình Định, là không đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, HĐXX thấy rằng: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đòi lại tài sản là di sản của vợ chồng cụ Di, cụ Nh mà nguyên đơn cho rằng bị đơn đang quản lý, nhưng cấp sơ thẩm lại giải quyết cả việc chia thừa kế của cụ Di và đưa bản di chúc do cụ Di viết ngày 06/02/2000 ra xem xét và nhận định bản di chúc là hợp pháp trong khi không có ai yêu cầu chia thừa kế của cụ Di, là vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm chia thừa kế phần tài sản ông Nguyễn Hoài Ch được hưởng từ ông Nguyễn Hoài Thi, nhưng chỉ chia cho bà Bạch Thị Ánh Đ là vợ ông Ch và cháu Nguyễn Bạch Hải Y là con ông Ch mà không chia cho mẹ ông Ch bà Nguyễn Thị Hạnh Ng là trái với quy định tại Điều 651 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm buộc các ông, bà Nguyễn B, Nguyễn Tấn V, Bùi Thị Ph, Nguyễn Thị Hạnh Ng và cháu Nguyễn Bạch Hải Y phải chịu án phí là không đúng theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Ng quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, HĐXX sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản thừa kế của cụ Diệu, về việc các nguyên đơn yêu cầu được hưởng thừa kế của cụ Nh và phương thức chia thừa kế của cụ Nh, cụ thể như sau: Di sản của vợ chồng cụ Di, cụ Nh để lại gồm: Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20, diện tích theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế ngày 05/5/2022 là 1.310,4m² (trong đó có 400 m² đất ở và 910,4m² đất vườn), cụ Nh đã bán 505,4m² (trong đó có 60 m² đất ở và 445,4 m² đất vườn nên còn lại 805m² (trong đó 340m² đất ở và 465m² đất vườn) có giá trị theo Biên bản định giá ngày 05/5/2022 là: 340m² đất ở X 2.000.000 đồng/m² = 680.000.000 đồng và 465m² đất vườn X 500.000 đồng/m² = 232.000.000 đồng; thửa đất trồng lúa số 62, tờ bản đồ 20, diện

tích theo đo đạc thực tế ngày 05/5/2022 là $1.055,8\text{m}^2$, có giá trị: $1.055,8\text{m}^2 \times 71.000 \text{ đồng/m}^2 = 74.961.800 \text{ đồng}$; tài sản gắn liền với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20 có giá trị: 62.490.040 đồng (trong đó phần xây dựng có giá trị: 55.492.040 đồng, bồn Inox có giá trị: 3.200.000 đồng, giếng đóng có giá trị: 3.798.000 đồng).

[5.1] Cụ Di chết trước cụ Nh nên khối di sản của các cụ được chia như sau:

- Đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20 hiện do vợ chồng ông Nguyễn Tân V, bà Đinh Thị L quản lý: Phần của cụ Di được chia đều cho 03 người con riêng của cụ Di và cụ Nh, mỗi người một kỷ phần bằng nhau là: $163,8\text{m}^2$ (trong đó 50m^2 đất ở và $113,8\text{m}^2$ đất vườn)/kỷ phần. Phần 03 người con riêng của cụ Di được hưởng từ cụ Di là: $163,8\text{m}^2/\text{kỷ phần} \times 3 = 491,4\text{m}^2$ (trong đó 150m^2 đất ở và $341,4\text{m}^2$ đất vườn). Phần những người thừa kế của ông Nguyễn Hoài Thi được hưởng từ cụ Nh là: $655,2\text{m}^2$ (trong đó 200m^2 đất ở và $455,2\text{m}^2$ đất vườn) + $163,2\text{m}^2$ (trong đó 50m^2 đất ở và $113,8\text{m}^2$ đất vườn) là kỷ phần cụ Nh được hưởng từ cụ Di = 819m^2 (trong đó 250m^2 đất ở và 569m^2 đất vườn), cụ Nh đã bán $505,4\text{m}^2$ (trong đó 60m^2 đất ở và $445,4\text{m}^2$ đất vườn) nên phần đất của cụ Nh còn lại là: $313,6\text{m}^2$ (trong đó 190m^2 đất ở và $123,6\text{m}^2$ đất vườn). Thửa đất này được chia bằng hiện vật, 03 người con riêng của cụ Di được nhận chung phần di sản của cụ Di là quyền sử dụng một phần thửa đất với diện tích $491,4\text{m}^2$ (trong đó 150m^2 đất ở và $341,4\text{m}^2$ đất vườn) có giá trị là: 470.700.000 đồng. Bà Nguyễn Thị S được nhận quyền sử dụng phần đất của cụ Nh với diện tích $313,6\text{m}^2$, có giá trị: 441.000.000 đồng và bà S phải giao lại cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Hoài Thi giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận.

- Đối với thửa đất ruộng số 62, tờ bản đồ số 20 hiện do vợ chồng ông Nguyễn Tân V, bà Đinh Thị L quản lý: Phần của cụ Di được chia đều cho 03 người con riêng của cụ Diệu và cụ Nh, mỗi người một kỷ phần bằng nhau là: $131,975\text{m}^2/\text{kỷ phần}$. Phần của 03 người con riêng của cụ Diệu được hưởng từ cụ Diệu là: $395,925\text{m}^2$, có giá trị: 28.110.675 đồng. Phần các đồng thừa kế của ông Nguyễn Hoài Thi được hưởng từ cụ Nh là: $659,875\text{m}^2$, có giá trị: 46.851.125 đồng. Ông V là người có hộ khẩu thường trú tại địa phương và hiện đang canh tác trên thửa ruộng này nên cấp sơ thẩm giao quyền sử dụng thửa đất này cho 03 người con riêng của cụ Di sử dụng và họ phải giao lại giá trị quyền sử dụng đất phần của cụ Nh cho các đồng thừa kế của ông Thi sở hữu là có căn cứ.

[5.2] Đối với phần tài sản gồm: Tiền mặt 77.500.000 đồng và vàng có giá trị 90.400.000 đồng, cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng của cụ Nh chết để lại, cộng với tiền phúng điếu khi cụ Nh mất 14.150.000 đồng, tổng cộng là: 182.050.000 đồng, sau khi trừ đi chi phí lo hậu sự cho cụ Nh hết 124.256.000 đồng còn lại 57.794.000 đồng và chia thừa kế số tiền này cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Hoài Thi là có căn cứ.

[6] Như vậy, những người con riêng của cụ Di được nhận số tài sản gồm: Một phần thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20, với diện tích 491,4m² (trong đó có 150m² đất ở và 341,4m² đất vườn), toàn bộ thửa đất trồng lúa số 62, tờ bản đồ 20, diện tích 1.055,8m², phần xây dựng nhà, bồn Inox và phải giao cho các đồng thừa kế của ông Thi giá trị chênh lệch tài sản được nhận là: Giá trị quyền sử dụng 659,875m² đất ruộng thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 20, ½ giá trị phần xây dựng nhà, ½ giá trị bồn Inox, tổng cộng là: 76.197.145 đồng. Sau khi trừ ½ giá trị giếng đóng là 1.899.000 đồng (do các đồng thừa kế của ông Thi được nhận giếng đóng), còn lại là 74.298.145 đồng. Bà Nguyễn Thị S được nhận các tài sản gồm: Một phần thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20, với diện tích 313,6m² (trong đó có 190m² đất ở và 123,6m² đất vườn), có giá trị: 441.000.000 đồng, 74.298.145 đồng giá trị chênh lệch tài sản do 03 người con riêng của cụ Di giao lại và 57.794.000 đồng tài sản riêng của cụ Nh, tổng cộng có giá trị là: 521.077.545 đồng và bà S phải có nghĩa vụ giao lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác của ông Thi, cụ thể: Các ông, bà Nguyễn Thị Hạnh Ng, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thụy Phương U và ông Nguyễn Hoài Ch mỗi người một kỷ phần có giá trị là: 86.846.275 đồng. Ông Ch đã chết nên kỷ phần của ông Ch được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch là bà Nguyễn Thị Hạnh Ng, bà Bạch Thị Ánh Đ và cháu Nguyễn Bạch Hải Y, mỗi kỷ phần là: 28.948.752 đồng nên bà S phải giao cho bà Nguyễn Thị Hạnh Ng 115.795.027 đồng, bà Đ và cháu Y mỗi người 28.948.752 đồng. Cháu Y chưa đủ 18 tuổi nên giao kỷ phần của cháu Y cho bà Đ (mẹ cháu Y) quản lý, đến khi cháu Y đủ 18 tuổi thì bà Đ phải có nghĩa vụ giao lại để cháu sở hữu.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[7.1] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Ng quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì các ông, bà: B, Lê, V, Ng và cháu Y được miễn nộp án phí. Các bà S, Ng, V, A, U, Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 33.500.000 đồng. Theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu ½, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn phải chịu ½ các chi phí này. Số tiền này bà Đinh Thị L đã thay mặt các ngU đơn ứng chi xong nên các bà: Nguyễn Thị Hạnh Ng, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hoài L, Nguyễn Thụy Phương U, Bạch Thị Ánh Đ mỗi người phải hoàn trả lại cho bà L 2.791.000 đồng.

[8] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng Ng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng Ng.

[9] Luận cứ Ba về quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Tấn V của Luật sư Q về việc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận một phần.

[10] Luận cứ Ba về quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị S của Luật sư Hồ Khả là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 165, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 158, 164, 166, 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm b mục 3 Ng quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10; điểm 1.1 tiêu mục 1 Mục II Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Ng quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

TU xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tấn V. Không chấp nhận kháng cáo của các bà: Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Hạnh Ng, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thụy Phương U, Bạch Thị Anh Đ. Chấp nhận toàn bộ Kháng Ng số: 183/QĐKNPT-VKS-DS Ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B, ông Nguyễn Tấn V và ông Nguyễn Văn Lê (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê là bà Bùi Thị Ph, anh Nguyễn Quang Th và anh Nguyễn Quang Thi).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị S về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh theo pháp luật.

3. Các ông Nguyễn B, Nguyễn Tấn V và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Lê là bà Bùi Thị Ph, anh Nguyễn Quang Th, anh Nguyễn Quang Thi được trọn quyền sử dụng một phần thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20, có diện tích 491,4m² (trong đó có 150m² đất ở và 341,4m² đất vườn), tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định, có vị trí, giới cận: Từ điểm **3** thẳng đến điểm **4** có kích thước 16,7m; từ điểm **4** thẳng đến điểm **5** có kích

thước 6,25m; từ điểm 5 thẳng đến điểm 6 có kích thước 12,74m; từ điểm 6 thẳng đến điểm 7 có kích thước 8,53m; từ điểm 7 thẳng đến điểm 8 có kích thước 19,26m (thuộc phần B của thửa đất), toàn bộ thửa đất trồng lúa số 62, tờ bản đồ 20, có diện tích 1.055,8m² tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình, có vị trí, giới cận: Đông giáp đất ông ông Nguyễn Đình Châu và đất ông Đỗ Bằng Hiều, Tây giáp đường đi liên xã, Nam giáp đất UBND xã A quản lý, Bắc giáp nương nước, hiện do vợ chồng ông Nguyễn Tấn V, bà Đinh Thị L quản lý, sử dụng (có sơ đồ bản vẽ ngày 05/5/2022 của Công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương kèm theo), được trọn quyền sở hữu phần vật liệu xây dựng nhà ở, nhà vệ sinh, 01 bồn Inox gắn liền với một phần nêu trên và phải có nghĩa vụ giao cho các đồng thừa kế khác của ông Nguyễn Hoài Thi phần còn lại của thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20, có diện tích 313,6m² (trong đó 190m² đất ở và 123,6m² đất vườn), tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định, trên đất có 01 giếng đóng (thuộc phần A của thửa đất) và 74.298.145 đồng giá trị chênh lệch tài sản được nhận.

4. Bà Nguyễn Thị S được trọn quyền sử dụng một phần của thửa đất số 297, tờ bản đồ số 20, có diện tích 313,6m² (trong đó 190m² đất ở và 123,6m² đất vườn) có vị trí, giới cận: Từ điểm 1 thẳng đến điểm 2 có kích thước 30,47m; từ điểm 2 thẳng đến điểm 3 có kích thước 8,16m; từ điểm 3 thẳng đến điểm 8 có kích thước 29,33m; từ điểm 8 thẳng đến điểm 1 có kích thước 13,1m; (thuộc phần A của thửa đất) tọa lạc tại thôn Kim Sơn, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định do vợ chồng ông Nguyễn Tấn V, bà Đinh Thị L có nghĩa vụ giao lại (có sơ đồ bản vẽ ngày 05/5/2022 của Công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương kèm theo), được trọn quyền sở hữu 01 giếng đóng trên phần đất nêu trên, 74.298.145 đồng giá trị chênh lệch tài sản do các đồng nguyên đơn giao lại, 57.794.000 đồng tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị Tuyết Nh và phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế cho các bà: Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thụy Phương U mỗi người 86.846.275 đồng, bà Nguyễn Thị Hạnh Ng 115.795.027 đồng, bà Bạch Thị Ánh Đ và cháu Nguyễn Bạch Hải Y mỗi người 28.948.752 đồng. Cháu Y chưa đủ 18 tuổi nên giao 28.948.752 đồng kỷ phần của cháu Yền cho bà Đ (mẹ cháu Y) nhận và quản lý, đến khi cháu Y đủ 18 tuổi thì bà Đ phải có nghĩa vụ giao lại cho cháu sở hữu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

5.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Nguyễn B, Nguyễn Tấn V, Nguyễn Văn Lê (bà Bùi Thị Ph nhận thay) mỗi người 200.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu tiền số: 00010, 00011, 00012 ngày 10/12/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu 4.342.313 đồng, nhưng được khấu trừ vào 2.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu tiền số: 00303 ngày 23/3/2016 và 0007677 ngày 02/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H nên bà S còn phải nộp 2.142.313 đồng. Các bà Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thụy Phương U mỗi người phải nộp 4.342.313 đồng. Bà Bạch Thị Ánh Đ phải nộp 1.447.437 đồng.

5.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho các ông, bà: Nguyễn Tấn V, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thụy Phương U, Bạch Thị Ánh Đ mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu tiền số: 0010342 ngày 05/7/2021; 0010347, 0010346 ngày 12/7/2021; 0010350, 0010349 ngày 14/7/2021; 0010353 ngày 19/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5.3 Về chi phí tố tụng khác: Các bà: Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Hạnh Ng, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hoài A, Nguyễn Thụy Phương U và Bạch Thị Ánh Đ mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả lại bà Đinh Thị L 2.791.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng Ng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng Ng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

Phan minh Dũng

Võ Công Phương

